

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN P
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 415/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 5 - 2023.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 813/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 47/14A B, phường T, quận P, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Vũ L (Vắng mặt).

Địa chỉ: 47/14A B, phường T, quận P, Thành phố H h.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 04/7/2022; các bản tự khai ngày 14/9/2023, ngày 22/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn Vũ L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh E theo Giấy chứng nhận kết hôn số 258 Quyển số 01 ngày 02/11/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 5/2020 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do giữa vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông L thường hay uống rượu, không tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau; vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 5/2020 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: bà T khai nhận quá trình chung sống có 01 con tên Lê Thị Phương N, sinh ngày: 27/7/2008. Nếu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông L thì bà yêu cầu ông L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N và bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai nhận không có.

Tòa án nhân dân quận P đã tiến hành hòa giải nhưng ông Lê Văn Vũ L vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: Ông Lê Văn Vũ L vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 258 Quyển số 01 ngày 02/11/2009 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh E thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Văn Vũ L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông L hiện đang cư ngụ tại quận P, Thành phố H trước khi thụ lý nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận P, Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thủ tục xét xử vắng mặt Dương sự:

[2.1] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án tiến hành một số biện pháp tố tụng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vẫn cố tình trốn tránh. Do đó, Tòa án nhân dân quận P tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại

khoản 3, khoản 5 Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét việc bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn Vũ L:

Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị Kim T xét thấy tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T và ông L là có thật. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L không quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L vắng mặt. Điều đó thể hiện ông L không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. bà T và ông L sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai. Mặt khác, bà T cho rằng hiện nay không còn tình cảm với ông L. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông L đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. bà T yêu cầu ly hôn ông L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung:

bà T và ông L sinh được 01 con tên Lê Thị Phương N, sinh ngày: 27/7/2008. Nếu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông L thì bà T yêu cầu ông L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N và bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng. Quá trình giải quyết vụ án, trẻ N được xin ở với ông L. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi của trẻ và theo nguyện vọng của trẻ, nên Hội đồng xét xử nghĩ giao trẻ N cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

- Xét bà T tự nguyện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng, nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] Về quan hệ tài sản và nợ chung:

Xét bà T khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0035951 ngày

19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P. Như vậy, bà T còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Văn Vũ L.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Văn Vũ L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 258 Quyển số 01 ngày 02/11/2009 của Ủy ban nhân dân xã xã Q, huyện C, tỉnh E cấp chấm dứt hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống có 01 con tên Lê Thị Phương N, sinh ngày: 27/7/2008. Giao trẻ N cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động tự túc được.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

+ Trong trường hợp ông L không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, một trong hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. ông L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở một trong hai bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp bà T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do bà T khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0035951 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P. Như vậy, bà T còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. H;
- VKSND quận P;
- UBND xã Q, huyện C, tỉnh E;
- Chi cục THADS quận P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Thành